

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 10 - 2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Kim Giang

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Đắc Quýnh

2. Bà Bùi Thị Quy

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Trọng Bách - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà:**  
Ông Phùng Văn Huấn- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 94/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/6/2019 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng V, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn C, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

*Những người làm chứng:*

1. Anh Vũ Văn T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương.

2. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng V trình bày: Chị và anh Vũ Văn C đăng ký kết hôn ngày 23/02/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N trên cơ sở tự nguyện và được

hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống tại Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Đến năm 2011, vợ chồng sang Đài Loan lao động. Được một thời gian ngắn thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong vấn đề làm ăn kinh tế, dẫn đến thường xuyên xảy ra đánh, cãi nhau. Sau đó, anh C bị công ty cắt hợp đồng phải về nước, còn chị vẫn tiếp tục lao động tại Đài Loan. Năm 2016, chị nghỉ phép về nước, nhưng do vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn nên chị về nhà bố mẹ đẻ chị ở Thôn X, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội, sau đó tiếp tục sang Đài Loan lao động. Đến tháng 6/2017, chị biết tin anh C không chung thủy với chị, do vậy, chị không gọi điện và liên lạc với anh C nữa. Vợ chồng chính thức ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Tháng 4/2019 chị về nước do hết hạn lao động và về nhà bố mẹ đẻ chị ở, không thông báo cho anh C. Sau đó, chị và gia đình đến nhà của vợ chồng ở Thôn N, xã Đ, huyện N định để bắt quả tang việc anh C ngoại tình nhưng anh C hôm đó không có nhà. Giữa chị và anh C đã cãi nhau qua điện thoại. Từ đó đến nay chị và anh C không liên lạc gì nữa. Nay chị xác định vợ chồng không thể về đoàn tụ được, vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh C. Về con chung: Chị xác định vợ chồng không có con chung. Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Vũ Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa. Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/9/2019 anh C trình bày thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn như lời trình bày của chị V. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh xác định vợ chồng bất đồng quan điểm kể từ thời điểm năm 2011 khi anh và chị V lao động tại Đài Loan. Sau đó, khi anh về nước thì vợ chồng vẫn thường xảy ra cãi nhau trên điện thoại. Năm 2016, bố anh mất, chị V có về phép nhưng sau đó lại đi tiếp. Vợ chồng từ đó không liên lạc với nhau. Chị V về nước khi nào anh cũng không biết. Tháng 4/2019, chị V và gia đình đến nhà anh vào buổi tối đập cửa nhưng anh không có nhà. Anh có điện thoại bảo anh em sang nói chuyện nhưng chị V đã bỏ đi. Nay chị V làm đơn xin ly hôn, anh xác định chị V nghi ngờ, không tôn trọng anh và gia đình anh. Giữa anh và chị V cũng không còn tình cảm nên anh cũng nhất trí ly hôn chị V. Về con chung, tài sản chung: Anh xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh cũng có quan điểm là do bận công việc và không muốn gặp mặt chị V nên anh đề nghị tòa án cứ tiến hành giải quyết vắng mặt anh.

- Những người làm chứng:

Anh Vũ Văn T là anh trai anh C cung cấp: Sau ngày cưới chị V về nhà anh

C sống, đến năm 2011 thì vợ chồng sang Đài Loan lao động. Sau đó vài tháng, anh C về nước còn chị V vẫn ở lại Đài Loan lao động. Năm 2016, bố anh mất, chị V có về phép rồi lại đi tiếp và không liên lạc với anh C nữa. Mâu thuẫn vợ chồng như thế nào không rõ nhưng đến tháng 4/2019 thì chị V về nước và cãi vã, mâu thuẫn với anh C qua điện thoại sau đó nộp đơn ly hôn anh C đến Tòa.

Ông Phạm Văn N là công an viên của xã Đồng Lạc, phụ trách thôn N xác định: Mâu thuẫn vợ chồng chị V anh C như thế nào ông không rõ. Mấy năm nay ông không thấy chị V ở nhà anh C. Khoảng tháng 4/2019, vào buổi tối, ông có nhận được điện thoại của anh C thông báo có người đến gây rối trật tự tại nhà anh. Khi ông đến thì thấy chị V và một số người lạ giới thiệu là người thân của chị V đứng ở cổng nhà anh C và muốn phá cửa vào nhà vì nghi ngờ anh C đang ở với người khác. Do anh C không có nhà và có một số người lạ nên ông có yêu cầu mọi người giải tán, chờ anh C về rồi giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các quan điểm như nội dung đã nêu ở trên. Anh C được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách bày tỏ quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn giai đoạn đầu không chấp hành việc triệu tập của tòa án nhưng sau đó đã cơ bản chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Hồng V ly hôn anh Vũ Văn C. Về con chung: Không có. Về quan hệ tài sản chung: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn - anh Vũ Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng

mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng V và anh Vũ Văn C kết hôn với nhau ngày 23/02/2010 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N. Do vậy, hôn nhân của chị V, anh C là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn (từ năm 2010 đến năm 2011) vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong quản lý, làm ăn kinh tế, không tin tưởng nhau. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng đã sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Mặc dù, Tòa án đã triệu tập anh C đến Tòa án nhiều lần, anh C biết nhưng không đến Tòa án, thể hiện sự thờ ơ, bỏ mặc tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị V, anh C không sống chung; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị V xin ly hôn với anh C.

[3] Về con chung: Không có nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị V và anh C không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Chị V là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lý trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Hồng V ly hôn anh Vũ Văn C.
2. Về con chung: Không có.
3. Về quan hệ tài sản chung: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng V phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị V đã nộp theo

biên lai thu số: AA/2017/0004571 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Chị V đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Kim Giang**